

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố- Trạm Cẩm Xuyên*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *Mẫu 1: Nguyễn Hữu Đức, Thương Long. xã Cẩm Xuyên*
 - *Mẫu 2: Lê Duy Hậu, SN 120, đường Hà Huy Tập, xã Cẩm Xuyên*
 - *Mẫu 3: Nguyễn Xuân Chiến, SN 04, đường Hà Huy Tập, xã Cẩm Xuyên*
6. Ngày nhận mẫu: *28/10/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *28/10/2025 – 29/10/2025*
8. Kết quả :

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.42	0.33	0.33	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.76	6.71	6.67	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	65.85	64.01	61.70	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.43	0.46	0.24	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ :G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	0.7	0.9	mg/l	2.0	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.004	0.005	mg/l	0.05	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	1	0	0	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.013	0.014	0.022	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

11	Độ cứng (CaCO ₃)	3.16	3.5		mg/l	300	SMEWW 2340B:2017
----	---------------------------------	------	-----	--	------	-----	---------------------

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Như

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 28/10/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 28/10/2025 – 29/10/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác - Chi nhánh Thành Phố.
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập dâng Đá Hàn
7. Địa chỉ: xã Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	25.9	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.45	-
3	TSS		µm/s	46.82	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.74	-
5	Nitrat (NO_3^- - N)	SMEWW 4500- NO_3^- B: 2017	mg/l	0.9	-
6	Nitrit (NO_2^- - N)	SMEWW 4500- NO_2^- B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Sunphat (SO_4^{2-})	SMEWW 4500 SO_4^{2-} E: 2017	mg/l	1	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.123	-
9	Độ cứng (CaCO_3)	SMEWW 2340B:2017	mg/l	2.87	-
10	Amoni (NH_4^+ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.28	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 10 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Thành Phố*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Cẩm Xuyên*
- Ngày nhận mẫu: *28/10/2025*
- Ngày thử nghiệm: *28/10/2025 – 29/10/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.35	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.76	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	53.63	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.24	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.6	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.006	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	0	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.046	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng (CaCO ₃)	3.42	mg/l	300	SMEWW 2340B: 2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.*

Hà Tĩnh, ngày *29* tháng *10*. năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng

